



Dai-ichi Life Vietnam  
Fund Management - DFVN

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

## QUẢN LÝ PHIÊN BẢN

---

### Lịch sử cập nhật

Phiên bản	Ngày hiệu lực	Chủ quản	Tóm tắt điểm cập nhật	Phần được cập nhật
1.0	01/01/2021	DFVN IC	Phiên bản đầu tiên	N/A
2.0	05/05/2023	DFVN IC	Phiên bản sửa đổi lần 1	

### Các quy định có liên quan

Tên quy định	Chủ quản	
Hướng dẫn thực hiện Công bố thông tin	DFVN IC	Bị thay thế

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế công bố thông tin này quy định về hoạt động công bố thông tin (CBTT) của Công Ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm bảo đảm việc CBTT của Công Ty tuân thủ theo Pháp Luật Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế công bố thông tin này, ngoại trừ ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa tương ứng như được quy định dưới đây:

- “**Ban Điều Hành**” : nghĩa là nhân sự quản lý của Công Ty, bao gồm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính/Kế toán trưởng và Người đứng đầu phòng ban của Công Ty;
- “**BCTC**” : nghĩa là các báo cáo tài chính của Công Ty;
- “**CBTT**” : nghĩa là công bố thông tin;
- “**Chủ Tịch HĐQT**” : nghĩa là Chủ tịch HĐQT của Công Ty, là thành viên HĐQT và do chủ sở hữu của Công Ty bổ nhiệm theo quy định của Pháp Luật Việt Nam và Điều Lệ;
- “**Công Ty**” : nghĩa là Công Ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam;
- “**Điều Lệ**” : nghĩa là Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công Ty (phiên bản số 4) ngày 21 tháng 12 năm 2022, bao gồm các sửa đổi và bổ sung tùy từng thời điểm;
- “**HĐTV**” : nghĩa là Hội đồng Thành viên của Công Ty;
- “**Luật Chứng Khoán**” : nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
- “**Luật Doanh Nghiệp**” : nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các quy định sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
- “**Ngày Làm Việc**” : nghĩa là ngày làm việc trong tuần, trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, và các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- “**Người Có Liên Quan**” : nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- (a) Doanh nghiệp và Người Nội Bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- (b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- (c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- (d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- (e) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- (f) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia; và
- (g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

**“Người Nội Bộ”**

: nghĩa là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công Ty, bao gồm:

- (a) Chủ Tịch HĐQT;
- (b) Thành viên HĐQT;
- (c) Người đại diện theo pháp luật của Công Ty;
- (d) Tổng Giám Đốc;
- (e) Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do HĐQT bổ nhiệm;
- (f) Thành viên Bộ phận Kiểm toán Nội bộ của Công Ty;
- (g) Kiểm soát viên;
- (h) Thư ký của Công Ty;
- (i) Người phụ trách quản trị công ty; và

(j) Người Phụ Trách CBTT;

- “**Người Phụ Trách CBTT**” : nghĩa là cá nhân được người đại diện theo pháp luật của Công Ty ủy quyền thực hiện công việc CBTT cho Công Ty tại từng thời điểm;
- “**Pháp Luật Việt Nam**” : nghĩa là các văn bản pháp luật của Việt Nam có hiệu lực thi hành tại thời điểm được đề cập, bao gồm Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- “**Quy Chế**” : nghĩa là Quy chế công bố thông tin này, bao gồm các phụ lục, điều chỉnh, bổ sung tùy từng thời điểm;
- “**SGDCK**” : nghĩa là Sở giao dịch chứng khoán nơi Công Ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch;
- “**Tổng Giám Đốc**” : nghĩa là Tổng Giám đốc của Công Ty;
- “**UBCKNN**” : nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
- “**Website**” : nghĩa là trang thông tin điện tử của Công Ty với địa chỉ cụ thể là <https://www.dfvn.com.vn/>.

### **Điều 3. Nguyên tắc CBTT**

- 3.1. Việc CBTT của Công Ty phải đầy đủ, chính xác, kịp thời và tuân thủ Pháp Luật Việt Nam.
- 3.2. Công Ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công Ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 3.3. Khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo Pháp Luật Việt Nam.
- 3.4. Việc CBTT của Công Ty do Người Phụ Trách CBTT hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT quy định tại Quy Chế này. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho Công Ty thực hiện theo quy định tại Quy Chế này và theo Pháp Luật Việt Nam.
- 3.5. Việc CBTT của Công Ty phải tuân thủ quy trình CBTT được quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

### **Điều 4. Ngôn ngữ CBTT**

Ngôn ngữ CBTT của Công Ty sẽ thực hiện bằng tiếng Việt và khuyến nghị có thêm ngôn ngữ tiếng Anh để công bố trên Website Công Ty.

### **Điều 5. Người thực hiện CBTT**

- 5.1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người Phụ Trách CBTT công bố.

- 5.2. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà Người Phụ Trách CBTT vắng mặt thì người đại diện theo pháp luật của Công Ty sẽ thực hiện CBTT.
- 5.3. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà Người Phụ Trách CBTT và người đại diện theo pháp luật của Công Ty đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất Ban Điều Hành của Công Ty có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 (một) người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều Hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 (một) người chịu trách nhiệm CBTT.
- 5.4. Công Ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về Người Phụ Trách CBTT hoặc người thực hiện CBTT khác cho UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi Người Phụ Trách CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về Người Phụ Trách CBTT được thực hiện theo Pháp Luật Việt Nam.
- 5.5. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho Công Ty hoặc 01 (một) cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT. Trong trường hợp nhà đầu tư ủy quyền cho Công Ty hoặc 01 (một) cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với Người Có Liên Quan (nếu có) cho Công Ty hoặc cá nhân được ủy quyền CBTT để thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo Pháp Luật Việt Nam.
- Nhà đầu tư phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền CBTT cho UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi việc ủy quyền CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền CBTT được thực hiện theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.
- 5.6. Công Ty thực hiện việc CBTT của quỹ đại chúng do Công Ty quản lý theo quy định tại Phụ Lục của Quy Chế này và Pháp Luật Việt Nam có liên quan.

## **Điều 6. Phương tiện CBTT**

- 6.1. Các phương tiện CBTT gồm:
- (a) Website của Công Ty;
  - (b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
  - (c) Trang thông tin điện tử của SGDCK và phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK (nếu áp dụng);
  - (d) Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (nếu áp dụng); và
  - (e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo Pháp Luật Việt Nam (nếu có).
- 6.2. Quy định về Website của Công Ty

- (a) Công Ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch và công khai địa chỉ Website, mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày thay đổi Website của Công Ty.
  - (b) Website của Công Ty phải bao gồm các nội dung sau:
    - (i) ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này;
    - (ii) chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều Lệ, Quy Chế này, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Bộ phận kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch, các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định tại Quy Chế này; và
    - (iii) Website của Công Ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên Website.
- 6.3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo Pháp Luật Việt Nam, Công Ty thực hiện CBTT trên Website của Công Ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo Pháp Luật Việt Nam vào Ngày Làm Việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- 6.4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCCK.

## **CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 7. Nội dung CBTT**

- 7.1. Công Ty phải thực hiện CBTT theo quy định của pháp luật trong các trường hợp:
- (a) CBTT định kỳ;
  - (b) CBTT bất thường;
  - (c) CBTT theo yêu cầu; và
  - (d) CBTT khác.
- 7.2. Chi tiết nội dung CBTT được thực hiện theo Phụ Lục ban hành kèm theo Quy Chế này và Pháp Luật Việt Nam.

### **Điều 8. Quy trình CBTT của Công Ty**

- 8.1. Cung cấp và tiếp nhận thông tin
- (a) Khi phát sinh các thông tin phải được CBTT theo quy định của Pháp Luật Việt Nam, các bộ phận/phòng ban của Công Ty hoặc các đối tượng CBTT khác ủy quyền cho Công Ty

thực hiện CBTT phải ngay lập tức gửi thông tin bằng văn bản hoặc hình thức tương tự đến Người Phụ Trách CBTT và Bộ phận Kiểm soát Nội bộ của Công Ty phù hợp với thời gian quy định cho từng loại thông tin cần công bố theo Phụ Lục của Quy Chế và theo Pháp Luật Việt Nam.

- (b) Kèm theo thông báo về thông tin cần được CBTT phải bao gồm các tài liệu liên quan đến việc phát sinh thông tin cần công bố. Các bộ phận/phòng ban của Công Ty hoặc các đối tượng CBTT khác ủy quyền cho Công Ty thực hiện CBTT phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin và tài liệu nêu trên.

## 8.2. Xử lý thông tin

- (a) Khi nhận được thông tin và tài liệu nêu tại Điều 8.1 nêu trên, Người Phụ Trách CBTT và Bộ phận Kiểm soát Nội bộ của Công Ty thực hiện các công việc sau:
  - (i) Người Phụ Trách CBTT kiểm tra thông tin, tài liệu được cung cấp; soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của Pháp Luật Việt Nam và gửi cho Bộ phận Kiểm soát Nội bộ để xem xét kiểm tra nội dung CBTT.
  - (ii) Bộ phận Kiểm soát Nội bộ đối chiếu các quy định/trình tự về CBTT tại Quy Chế này và theo Pháp Luật Việt Nam tại từng thời điểm; kiểm tra văn bản CBTT do Người Phụ Trách CBTT chuẩn bị.
  - (iii) Người Phụ Trách CBTT ký kết văn bản CBTT đã được Bộ phận Kiểm soát Nội bộ kiểm tra.
- (b) Trong trường hợp Người Phụ Trách CBTT vắng mặt, Bộ phận Kiểm soát Nội bộ có nghĩa vụ thông báo và yêu cầu người thực hiện CBTT quy định tại Điều 5.2 và 5.3 của Quy Chế này tiến hành các công việc về việc thông báo người thực hiện CBTT và các công việc tại Điều 8.2(a)(i) và Điều 8.2(a)(iii) nêu trên.

## 8.3. CBTT

- (a) Người Phụ Trách CBTT gửi văn bản CBTT đến UBCKNN, SGĐCK (nếu áp dụng) hoặc các cơ quan/tổ chức có liên quan tùy theo yêu cầu CBTT của loại thông tin cần công bố, đồng thời đăng tải nội dung CBTT trên Website của Công Ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn CBTT theo Pháp Luật Việt Nam.
- (b) Những cá nhân có liên quan quy định tại Điều này có trách nhiệm kiểm tra các thông tin sau khi được công bố, đăng tải và thông báo cho Người Phụ Trách CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố là chưa chính xác để Người Phụ Trách CBTT kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.
- (c) Việc CBTT của cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

Trường hợp CBTT bao gồm các thông tin cá nhân nêu trên và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì Công Ty phải gửi UBCKNN và SGDCK (nếu áp dụng) 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản không bao gồm thông tin cá nhân để CBTT thực hiện công khai thông tin.

#### 8.4. Bảo quản và lưu giữ thông tin

Thông tin sau khi đã công bố sẽ được bảo quản và lưu trữ như sau:

- (a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 (mười) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên Website của Công Ty tối thiểu là 05 (năm) năm; và
- (b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên Website của Công Ty tối thiểu là 05 (năm) năm.

### **Điều 9. Tạm hoãn CBTT**

- 9.1. Tùy theo Pháp Luật Việt Nam tại từng thời điểm, Công Ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác).
- 9.2. Công Ty phải báo cáo UBCKNN và SGDCK (nếu áp dụng) về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
- 9.3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công Ty sẽ công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo Pháp Luật Việt Nam.

## **CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Quy Chế**

Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Quy Chế chỉ được thực hiện và có hiệu lực khi được Tổng Giám đốc thông qua hợp lệ phù hợp với Pháp Luật Việt Nam và Điều Lệ của Công Ty.

### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

- 11.1. Quy Chế này có hiệu lực kể từ ngày được Tổng Giám đốc thông qua như được ghi trong Quyết định thông qua Quy Chế này.
- 11.2. Những vấn đề liên quan đến việc CBTT chưa được đề cập tại Quy Chế sẽ được thực hiện theo quy định Pháp Luật Việt Nam có liên quan, Điều Lệ và các quy chế, văn bản có liên quan khác của Công Ty.
- 11.3. (Các) Quy định nội bộ có nội dung liên quan Công bố Thông tin mà trái với Quy Chế này sẽ không còn hiệu lực áp dụng



- 11.4. Mọi phụ lục đính kèm là một phần không tách rời của Quy Chế này và có hiệu lực áp dụng như Quy Chế.
- 11.5. Nếu có sự mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy Chế và các quy định pháp luật (được sửa đổi theo từng thời kỳ) thì các quy định Pháp Luật Việt Nam sẽ được ưu tiên áp dụng.

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG CBTT CỦA CÔNG TY**

*(ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công Ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam)*

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>CBTT ĐỊNH KỲ</b>			
1	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Khi CBTT các BCTC nêu tại các Mục I.1, I.2 và I.3 bên đây, Công Ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>(a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</li> <li>(b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</li> <li>(c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% (năm phần trăm) trở lên,</li> </ul>
2	BCTC bán niên đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (sáu) tháng đầu năm tài chính; hoặc	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc quý; hoặc	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
				chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
4	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 (một trăm mười) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán
5	Thông tin về họp HĐQT thường niên, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp HĐQT	Tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp HĐQT	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
6	Biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết, quyết định	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi thông qua nghị quyết, quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
7	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Cùng thời điểm với việc công bố BCTC bán niên đã được soát xét (quy định tại Mục I.2 ở trên)	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
8	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Cùng thời điểm với việc công bố BCTC năm đã được kiểm toán (quy định tại Mục I.1 ở trên)	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
9	Các BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, BCTC bán niên đã được soát xét và BCTC quý của các quỹ đầu tư do Công Ty quản lý	Thực hiện theo quy định tại Mục I.1, I.2 và I.3 nêu trên	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
10	Công bố thông tin liên quan tới Đại hội nhà đầu tư của quỹ đại chúng			
(a)	<i>Thông tin về họp Đại hội nhà đầu tư thường niên, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội nhà đầu tư</i>	<i>Tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội nhà đầu tư</i>	<i>UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website</i>	
(b)	<i>Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư thường niên và tài liệu kèm theo</i>	<i>Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi thông qua nghị quyết, quyết định</i>	<i>UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website</i>	
11	Báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm	(a) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng tuần: Tại Ngày Làm Việc đầu tiên của tuần kế tiếp hoặc tại Ngày Làm Việc tiếp theo của ngày định giá (đối với quỹ mở);	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
12	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng định kỳ hàng tuần và công bố giá trị tài sản ròng của quỹ tại Ngày Làm Việc tiếp theo của ngày định giá theo Pháp Luật Việt Nam	(b) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng tháng: Trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc, kể từ ngày kết thúc tháng gần nhất;		
13	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ của quỹ đại chúng bán niên và hằng năm theo Pháp Luật Việt Nam	(c) Đối với thông tin công bố định kỳ hàng quý: Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc quý gần nhất;  (d) Đối với thông tin công bố định kỳ 06 (sáu) tháng (bán niên): Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày		

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
		<p>kết thúc 06 (sáu) tháng (bán niên) gần nhất; và</p> <p>(e) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng năm: Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất.</p>		
14	Các nghĩa vụ công bố thông tin khác và của Công Ty và quỹ đầu tư chứng khoán theo Pháp Luật Việt Nam	Áp dụng theo Pháp Luật Việt Nam (nếu có)	Áp dụng theo Pháp Luật Việt Nam (nếu có)	
<b>II</b>	<b>CBTT BẤT THƯỜNG</b>			
	<i>Thực hiện CBTT bất thường tại mục này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)</i>			
1	Tài khoản của Công Ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện diễn ra	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Điều 11
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công Ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được văn bản	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
	thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động			
3	Thông qua quyết định của HĐQT bất thường	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi thông qua quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết/quyết định của HĐQT, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến thành viên bằng văn bản).
4	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của Công Ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều Lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi thông qua quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
5	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi Pháp Luật Việt Nam); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi thông qua quyết định/thông báo về doanh nghiệp kiểm toán/sự kiện diễn ra	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG CBTT</b>	<b>THỜI HẠN CBTT</b>	<b>NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
6	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi thông qua quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
7	Công Ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người Nội Bộ; nhận được đơn xin từ chức của Người Nội Bộ (Công Ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ)	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự việc diễn ra	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Đồng thời gửi cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của Người Nội Bộ mới theo mẫu quy định của Pháp Luật Việt Nam
8	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công Ty, Người Nội Bộ của Công Ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người Nội Bộ của Công Ty	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
9	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công Ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được bản án, quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
10	Công Ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được thông báo	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
11	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công Ty	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự việc diễn ra	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
12	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
13	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% (mười phần trăm) trở lên trên tổng tài sản của Công Ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp Công Ty là công ty mẹ)	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
14	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
15	Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công Ty, chi nhánh (nếu có), người hành nghề chứng khoán của Công Ty, chi nhánh (nếu có); Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Điều 23



STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
16	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của Công Ty, chi nhánh (nếu có)	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
17	Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc đặt Công Ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
18	Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
19	Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
	trước tiên bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh			
20	Khi nhận được quyết định của UBCKNN về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được quyết định	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
21	Khi hoàn tất các giao dịch thay đổi quyền sở hữu phần vốn góp chiếm từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10% (mười phần trăm), 25% (hai mươi lăm phần trăm), 50% (năm mươi phần trăm), 75% (bảy mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Công Ty	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện diễn ra	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
22	Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Điều 27
23	Quyết định thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
24	Được cấp hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng ra công chúng	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG CBTT</b>	<b>THỜI HẠN CBTT</b>	<b>NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
25	Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng/quỹ đại chúng chào bán không thành công	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
26	Sửa đổi Điều lệ của quỹ, Bản cáo bạch	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
27	Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ đại chúng	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
28	Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi được cấp	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
29	Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
30	Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
31	Thay đổi tên quỹ, thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; thay đổi thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường (đối với quỹ ETF)	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
32	Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
33	Tạm ngừng giao dịch hoán đổi hoặc mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu vượt quá mức cho phép (đối với quỹ ETF)	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
34	Các trường hợp quy định tại Mục II.1, II.5, II.7, II.8 và II.9 áp dụng đối với quỹ đại chúng	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
35	Công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc việc lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản			
(a)	<i>Thông tin về họp Đại hội nhà đầu tư bất thường, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội nhà đầu tư</i>	<i>Tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội nhà đầu tư</i>	<i>UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website</i>	
(b)	<i>Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư bất thường và tài liệu kèm theo</i>	<i>Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi thông qua nghị quyết, quyết định</i>	<i>UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website</i>	
(c)	<i>Công bố phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết (nếu lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản)</i>	<i>Tối thiểu 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ của quỹ không quy định thời hạn khác dài hơn</i>	<i>Website và gửi đến tất cả nhà đầu tư của quỹ</i>	

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
36	Thông tin bất thường khác về Công Ty và quỹ đại chúng theo Pháp Luật Việt Nam (nếu có)	Áp dụng theo Pháp Luật Việt Nam (nếu có)	Áp dụng theo Pháp Luật Việt Nam (nếu có)	
<b>III CBTT THEO YÊU CẦU</b>				
1	Khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến Công Ty, chi nhánh (nếu có) ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có)
2	<p>Công bố thông tin liên quan tới quỹ đại chúng theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau:</p> <p>(a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;</p> <p>(b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng chỉ quỹ và cần phải xác nhận thông tin đó;</p> <p>(c) Có thông tin liên quan ảnh hưởng đến việc chào bán, giá chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>(d) Có thay đổi bất thường về giá, khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đại chúng; và</p>	Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) yêu cầu công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
	(e) Các sự kiện khác theo yêu cầu của UBCKNN và SGĐCK.			
<b>IV</b>	<b>CBTT KHÁC</b>			
1	Trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, khi Công Ty là người có liên quan của người nội bộ, ngoại trừ giao dịch hoán đổi và tái cơ cấu danh mục định kỳ theo chỉ số tham chiếu của quỹ ETF, Công Ty cùng khách hàng ủy thác phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng cho người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Pháp Luật Việt Nam	Áp dụng theo quy định của Pháp Luật Việt Nam	UBCKNN, SGĐCK (nếu áp dụng) và Website	
2	Báo cáo, CBTT liên quan đến giao dịch chứng khoán thay cho khách hàng của mình khi đứng tên sở hữu tài sản ủy thác của khách hàng trong trường hợp khách hàng của mình thuộc đối tượng CBTT	Tùy trường hợp theo quy định tại Phụ Lục này	Tùy trường hợp theo quy định tại Phụ Lục này	
3	Theo đề nghị của Nhà đầu tư phù hợp với quy định của Công ty và Pháp Luật Việt Nam (nếu có) vì lợi ích chính đáng của Nhà đầu tư	Tùy trường hợp nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày	Tùy trường hợp theo quyết định của Công ty tại từng thời điểm	
4	Các nghĩa vụ CBTT khác theo quy định Pháp Luật Việt Nam (nếu có)	Tùy trường hợp theo Pháp Luật Việt Nam và tại Phụ Lục này (nếu có)	UBCKNN, SGĐCK (nếu áp dụng) và Website	
<b>V</b>	<b>CBTT CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG</b>			

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
1	Công Ty phải công bố trên Website của Công Ty về các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người Nội Bộ và Người Có Liên Quan của Người Nội Bộ	Trong thời hạn 03 (ba) Ngày Làm Việc sau khi nhận được báo cáo	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	
2	Người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), Công Ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 (năm mươi) triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 (hai trăm) triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác.	<p>(a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 (ba) Ngày Làm Việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch;</p> <p>(b) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin được miễn trừ nghĩa vụ về việc phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin, chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK và được thực hiện theo Pháp Luật Việt Nam về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;</p> <p>(c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và</p>	UBCKNN, SGDCK (nếu áp dụng) và Website	Do người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ thực hiện

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT	NƠI TIẾP NHẬN/ĐĂNG TẢI THÔNG TIN	GHI CHÚ
		người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).		